

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIÊN KHÁNH
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/5/2022

Về tranh chấp: "Ly hôn và chia tài sản chung"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Thuận

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hoa;

Ông Nguyễn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Đình Vân Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quốc Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh mở phiên tòa xét xử công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 47/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021 về "Ly hôn và chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P – sinh năm 1971

Địa chỉ: xã Diên Lạc, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. Bà P có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Ngô Minh Th – Luật sư tại VPLS Minh Th và cộng sự. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Đỗ Hữu Hoàng D – sinh năm 1972

Địa chỉ: xã Diên Lạc, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. Ông D vắng mặt lần 2.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy B – Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Diên Khánh (Theo quyết định số 283/NHCSDK-UQ ngày 09/11/2020 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Diên Khánh). Ông B có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị P trình bày: Bà và ông Đỗ Hữu Hoàng D tự nguyện chung*

sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Diên Lạc, huyện Diên Khánh năm 2010. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng cũng hạnh phúc. Nhưng được một thời gian thì ông D thay đổi tính tình, bỏ bà về chung sống với vợ cũ. Ông D thường xuyên về nhà gây sự, đánh đập và đe dọa bà. Sự việc xảy ra nhiều lần, bà cố gắng chịu đựng, không trình báo địa phương. Bà cố hàn gắn nhưng không có kết quả. Bà P xác định không còn tình cảm với ông D nữa, nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Đỗ Hữu Hoàng D.

Về con chung: Bà và ông D không có con chung.

Về tài sản chung: Trước khi cưới, chồng bà được cha mẹ tặng cho riêng ông Diệu tài sản là thửa đất số 95x, tờ bản đồ số 0x, xã Diên Lạc, huyện Diên Khánh, diện tích 573m² đã được UBND huyện Diên Khánh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG7366xx ngày 13/11/200x cho ông D. Thửa đất này là tài sản riêng của ông D nên bà không có tranh chấp. Trong quá trình chung sống vợ chồng bà tạo lập được khối tài sản chung là căn nhà xây trên đất và các tài sản cụ thể như sau:

1. Công trình xây dựng đã qua sử dụng gồm:

- Nhà ở: cấu trúc 01 tầng, diện tích xây dựng 62,4 m², kết cấu: móng, khung trụ, đà kiềng bê tông cốt thép, trần nhựa, mái tôn; tường xây gạch 100, quét sơn, hệ thống điện nội; nền lát gạch men 40 x 40; cửa chính, cửa sổ bằng kính, cửa phòng ngủ nhôm kính; nhà bếp: thành xây gạch, tường, mặt bếp ốp gạch men.

- Nhà vệ sinh: Diện tích xây dựng 5,2 m², móng đá chẻ, sàn bê tông cốt thép, mái tôn, tường xây gạch dày 100, ốp gạch men cao 1,3m, nền gạch men nhám, xí bệt, cửa nhựa.

- Tường rào: dài 3,6 mét, sắt hộp (2x4), cao 1,8 mét.

- Cửa cổng: 02 cánh sắt hộp, kích thước (2,4 x 2,2) mét.

- Sân trước: diện tích xây dựng 24,6 m², nền đất đầm chặt, láng xi măng, trụ sắt tròn phi 90, xà gồ sắt hộp, mái lợp tôn, một mặt dựa tường nhà ở.

- Hiên sau nhà: Diện tích xây dựng 8,1 m², nền đất đầm chặt, láng xi măng, cột gỗ, xà gồ gỗ, mái lợp tôn. Một mặt dựa tường nhà ở.

- Rào lưới B40, dài 22 mét, trụ bê tông đúc sẵn, cao 1,4 mét.

2. Vật dụng gia đình đã qua sử dụng:

- 01 tivi: Nhân hiệu Sony, model KDL-40W650D, sản xuất 2017; nước sản xuất: Malaysia, ti vi sử dụng bình thường.

- 01 bộ Karaoke: Ampli karaoke Ariang SPA 2000, công suất 550W; 02 loa Ariang TSE-T5, công suất 450W; Microkhoong dây Shure SH-300G. Bộ karaoke sử dụng bình thường.

- 01 kệ tivi phòng khách: Kích thước dài 155 x rộng 40 x cao 150 (cm); Chất lượng gỗ thường. Kệ tivi trầy xước một số chỗ, sử dụng bình thường.

- 01 bộ bàn ghế phòng khách: 01 bàn, kích thước 120 x 50 x 50 (cm); 02 ghế đơn, kích thước 75 x 65 x 100 (cm); 01 ghế dài, kích thước 186 x 65 x 100 (cm). Chất liệu gỗ thường. Bộ bàn ghế trầy xước một số chỗ, sử dụng bình thường.

Bà đồng ý để ông D nhận các tài sản trên và ông D có nghĩa vụ hoàn lại cho bà ½ giá trị tài sản chung.

Nợ chung: Bà xác định ông D là chủ hộ, có vay Ngân hàng chính sách số tiền 12.000.000 đồng. Đến nay đã trả được 8.000.000 đồng, còn nợ lại 4.000.000 đồng. Bà yêu cầu bà và ông D có trách nhiệm thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng chính sách. Mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số tiền.

Về án phí và chi phí tố tụng: Bà đồng ý nộp án phí hôn nhân và gia đình, án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật. Về chi phí tố tụng, bà chịu phần chi phí tương ứng với giá trị tài sản mà bà được nhận.

* *Tại bản tự khai ngày 02/3/2021 ông Đỗ Hữu Hoàng D trình bày:* Ông và bà Nguyễn Thị P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Diên Lạc, huyện Diên Khánh. Quá trình chung sống, thời gian đầu cũng hạnh phúc. Tuy nhiên, từ tháng 10/2020, ông có bán 01 phần đất thuộc thửa số 95x, tờ bản đồ số 0x xã Diên Lạc, diện tích 237 m² cho vợ chồng cháu ông là Trần Lê Trung H và Đỗ Thị Nhật T với giá 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà P đã tự ý lấy số tiền 100.000.000 đồng đi tiêu xài vào việc riêng, ông không rõ vào việc gì. Bà P thường xuyên bỏ nhà đi đâu không rõ, mỗi lần gặp ông là bà P tìm cách gây sự, có lần ông nóng giận đã đánh bà P. Nay ông không thể chịu đựng tính cách bà P nên ông bỏ đi nơi khác để ở. Bà P yêu cầu ly hôn ông cũng đồng ý.

Về con chung: Ông và bà P không có con chung.

Về tài sản chung: Trước khi kết hôn, ông được mẹ tặng cho riêng ông tài sản là thửa đất số 95x, tờ bản đồ số 0x, xã Diên Lạc, huyện Diên Khánh, diện tích 573m² đã được UBND huyện Diên Khánh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG7366xx ngày 13/11/200x cho ông. Sau khi chung sống, vợ chồng ông có xây dựng nhà cấp 4 trên đất. Giá trị xây dựng là 70.000.000 đồng. Các vật dụng khác gồm: 01 tivi Sony giá 10.000.000 đồng; 01 dàn karaoke giá 7.000.000 đồng; bộ bàn ghế và tủ giá 10.000.000 đồng. Do bà P tự ý lấy số tiền 100.000.000 đồng và 01 lượng vàng mang đi tiêu xài cá nhân nên ông không đồng ý chia tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng ông có vay Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 12.000.000 đồng tiền vệ sinh, nước sạch. Vợ chồng ông đã trả bao nhiêu ông không nhớ. Ông yêu cầu bà P cũng ông có nghĩa vụ chia đôi số nợ để trả cho Ngân hàng.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Huy B là đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội – phòng giao dịch huyện Diên Khánh trình bày:* Ông Đỗ Hữu Hoàng D là đại diện hộ gia đình vay vốn tại phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Diên Khánh, khoản vay thuộc chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, ngày vay 15/3/2018, mã vốn vay là 6600000712053627, số tiền vay là 12.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm, thời hạn vay 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 15/3/2023. Tổng số tiền còn nợ đến ngày 26/5/2022 là 4.000.000 đồng. Trong đó nợ gốc là 4.000.000 đồng; nợ lãi là 0 đồng. Ông đề nghị bà P và ông D thanh toán dứt điểm số nợ trên và số tiền lãi phát sinh từ ngày 27/5/2022 cho đến khi thanh toán hết số nợ.

* Bị đơn ông Đỗ Hữu Hoàng D đang sinh sống tại địa phương, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chỉ đến Tòa án 01 lần trình bày ý kiến. Các lần khác

vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật để làm cơ sở giải quyết vụ án.

* Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cầu xin ly hôn, giao tài sản chung cho ông Đỗ Hữu Hoàng D, ông D có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị cho bà P. Ông D có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ số tiền còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội – phòng giao dịch huyện Diên Khánh. Ông D phải hoàn cho bà P $\frac{1}{2}$ chi phí thẩm định, định giá tài sản.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, giao tài sản chung cho ông Đỗ Hữu Hoàng D, ông D có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị cho bà P. Ông D phải hoàn cho bà P $\frac{1}{2}$ chi phí thẩm định định giá tài sản. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội – phòng giao dịch Diên Khánh. Các bên đương sự phải chịu án phí theo quy định. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên Tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của người bào vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn; ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục: Ông Đỗ Hữu Hoàng D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[2] Theo giấy chứng nhận kết hôn và lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử xác định bà Nguyễn Thị P và ông Đỗ Hữu Hoàng D là vợ chồng. Nay bà P yêu cầu ly hôn với ông D là một yêu cầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét về nội dung yêu cầu khởi kiện thì thấy rằng: Bà Nguyễn Thị P và ông Đỗ Hữu Hoàng D tự nguyện sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn do ông D hay xúc phạm bà P, không tôn trọng bà, bà đã cố gắng chịu đựng để vợ chồng hàn gắn nhưng ông D vẫn không thay đổi dẫn đến đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Hiện nay bà và ông D không còn chung sống với nhau. Vì vậy, bà P yêu cầu được ly hôn với ông D. Bản thân ông D sinh sống tại địa phương, đã được Tòa án triệu tập đến Tòa nhiều lần để giải quyết nhưng vẫn vắng mặt, điều đó chứng tỏ ông D không còn quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng nữa và từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà P và ông D đã thực sự trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị P và ông Đỗ Hữu Hoàng D xác định không có con chung nên không xét.

[5] Về tài sản chung: Bà P và ông D xác định vợ chồng có tài sản chung là căn nhà xây trên 01 phần thửa đất số 95x, tờ bản đồ số 0x, xã Diên Lạc, theo giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số AG7366xx cấp ngày 13/11/200x đứng tên ông D. Ngoài ra còn có các tài sản sử dụng trong gia đình. Bà P yêu cầu chia đôi tài sản chung theo kết quả định giá tài sản.

Các bên thừa nhận thừa đất có diện tích 573 m² thuộc thửa đất số 95x, tờ bản đồ số 0x, xã Diên Lạc theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG7366xx ngày 13/11/200x đứng tên ông D là tài sản riêng của ông Đỗ Hữu Hoàng D, không ai tranh chấp nên không xét.

[5.1] Giá trị tài sản tranh chấp theo chứng thư thẩm định giá như sau:

- Nhà ở: cấu trúc 01 tầng, diện tích xây dựng 62,4 m², kết cấu: móng, khung trụ, đà kiềng bê tông cốt thép, trần nhựa, mái tôn; tường xây gạch 100, quét sơn, hệ thống điện nội; nền lát gạch men 40 x 40; cửa chính, cửa sổ bằng kính, cửa phòng ngủ nhôm kính; nhà bếp: thành xây gạch, tường, mặt bếp ốp gạch men.

Đơn giá 3.200.000 đồng/m², chất lượng còn lại 70%. Thành tiền: 139.776.000 đồng (*Một trăm ba mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*).

- Nhà vệ sinh: Diện tích xây dựng 5,2 m², móng đá chẻ, sàn bê tông cốt thép, mái tôn, tường xây gạch dày 100, ốp gạch men cao 1,3m, nền gạch men nhám, xi bết, cửa nhựa.

Đơn giá 2.000.000 đồng/m², chất lượng còn lại 70%. Thành tiền 7.280.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*).

- Tường rào: dài 3,6 mét, sắt hộp (2x4), cao 1,8 mét.

Đơn giá 400.000 đồng/mét, chất lượng còn lại 90%. Thành tiền 1.296.000 đồng (*Một triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

- Cửa cổng: 02 cánh sắt hộp, kích thước (2,4 x 2,2) mét.

Đơn giá 1.200.000 đồng/TB, chất lượng còn lại 90%. Thành tiền 1.080.000 đồng (*Một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*).

- Sân trước: diện tích xây dựng 24,6 m², nền đất đầm chặt, láng xi măng, trụ sắt tròn phi 90, xà gồ sắt hộp, mái lợp tôn, một mặt dựa tường nhà ở.

Đơn giá 700.000 đồng/m², chất lượng còn lại 80%. Thành tiền 13.776.000 đồng (*Mười ba triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*).

- Hiên sau nhà: Diện tích xây dựng 8,1 m², nền đất đầm chặt, láng xi măng, cột gỗ, xà gồ gỗ, mái lợp tôn. Một mặt dựa tường nhà ở.

Đơn giá 500.000 đồng/m², chất lượng còn lại 60%. Thành tiền 2.430.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng*).

- Rào lưới B40, dài 22 mét, trụ bê tông đúc sẵn, cao 1,4 mét.

Đơn giá 200.000 đồng/m, chất lượng còn lại 60%. Thành tiền 2.640.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*).

* Tổng cộng: 168.278.000 đồng (*Một trăm sáu mươi tám triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn đồng*).

[5.1.2] Vật dụng gia đình đã qua sử dụng:

- 01 tivi: Nhãn hiệu Sony, model KDL-40W650D, sản xuất 2017; nước sản xuất: Malaysia, ti vi sử dụng bình thường. Thành tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

- 01 bộ Karaoke: Ampli karaoke Ariang SPA 2000, công suất 550W; 02 loa Ariang TSE-T5, công suất 450W; Microkhoong dây Shure SH-300G. Bộ karaoke sử dụng bình thường. Thành tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

- 01 kệ tivi phòng khách: Kích thước dài 155 x rộng 40 x cao 150 (cm); Chất lượng gỗ thường. Kệ tivi tray xước một số chỗ, sử dụng bình thường. Thành tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

- 01 bộ bàn ghế phòng khách: 01 bàn, kích thước 120 x 50 x 50 (cm); 02 ghế đơn, kích thước 75 x 65 x 100 (cm); 01 ghế dài, kích thước 186 x 65 x 100 (cm). Chất liệu gỗ thường. Bộ bàn ghế tray xước một số chỗ, sử dụng bình thường. Thành tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*).

* Tổng cộng 17.000.000 đồng (*Mười bảy triệu đồng*).

[5.2] Bà P đồng ý giao toàn bộ tài sản tranh chấp cho ông D và yêu cầu ông D có nghĩa vụ thanh toán cho bà $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản tranh chấp. Xét thấy yêu cầu của bà P là có căn cứ nên chấp nhận. Cần giao tài sản tranh chấp cho ông D và buộc ông D có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản tranh chấp cho bà P.

Tổng giá trị tài sản tranh chấp là 185.278.000 đồng. Giá trị bà P được hưởng là 92.639.000 đồng (*chín mươi hai triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn đồng*).

[5.3] Ông D cho rằng bà P tự ý lấy 100.000.000 đồng số tiền bán đất cho vợ chồng cháu ông là Trần Lê Trung H và Đỗ Thị Nhật T và lấy thêm 01 lượng vàng mang đi tiêu xài cá nhân. Tuy nhiên, ông D không có chứng cứ chứng minh nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Ngân hàng chính sách xã hội – phòng giao dịch huyện Diên Khánh có yêu cầu độc lập. Bà Nguyễn Thị P và đại diện Ngân hàng chính sách xã hội – phòng giao dịch huyện Diên Khánh xác định bà P và ông D còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội – phòng giao dịch huyện Diên Khánh số tiền là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*). Do đó, cần chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội – phòng giao dịch huyện Diên Khánh.

[7] Về chi phí thẩm định, định giá: Bà Nguyễn Thị P đã tạm ứng chi phí thẩm định, định giá là 14.980.000 đồng (*Mười bốn triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*). Do tài sản chia đôi nên mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí thẩm định, định giá. Ông Đỗ Hữu Hoàng D có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Phượng $\frac{1}{2}$ chi phí thẩm định, định giá.

[8] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Cụ thể:

- Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị P và ông Đỗ Hữu Hoàng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nợ chung đối với số tiền mỗi người phải trả là 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*).

- Bà Nguyễn Thị P và ông Đỗ Hữu Hoàng D phải chịu án phí dân sự đối với giá trị tài sản được chia mỗi người là: $185.278.000 \text{ đồng} : 2 = 92.639.000 \text{ đồng}$ (*Chín mươi hai triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn đồng*).

Án phí mỗi người phải chịu là: $92.639.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.631.950 \text{ đồng}$ (bốn triệu sáu trăm ba mươi một nghìn chín trăm năm mươi đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 19; Điều 51; Điều 54; Điều 56; Điều 59 và Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 165; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Điều 27 Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P được ly hôn ông Đỗ Hữu Hoàng D.

2. Về tài sản chung: Ông Đỗ Hữu Hoàng D được quyền quản lý, sử dụng tài sản gắn liền với thửa đất số 952, tờ bản đồ số 02 xã Diên Lạc, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG736639 cấp ngày 13/11/2006 đứng tên ông D gồm:

2.1. Công trình xây dựng đã qua sử dụng:

- Nhà ở: cấu trúc 01 tầng, diện tích xây dựng $62,4 \text{ m}^2$, kết cấu: móng, khung trụ, đà kiềng bê tông cốt thép, trần nhựa, mái tôn; tường xây gạch 100, quét sơn, hệ thống điện nội; nền lát gạch men 40×40 ; cửa chính, cửa sổ bằng kính, cửa phòng ngủ nhôm kính; nhà bếp: thành xây gạch, tường, mặt bếp ốp gạch men.

- Nhà vệ sinh: Diện tích xây dựng $5,2 \text{ m}^2$, móng đá chẻ, sàn bê tông cốt thép, mái tôn, tường xây gạch dày 100, ốp gạch men cao 1,3m, nền gạch men nhám, xí bệt, cửa nhựa.

- Tường rào: dài 3,6 mét, sắt hộp (2x4), cao 1,8 mét.

- Cửa cổng: 02 cánh sắt hộp, kích thước (2,4 x 2,2) mét.

- Sân trước: diện tích xây dựng $24,6 \text{ m}^2$, nền đất đầm chặt, láng xi măng, trụ sắt tròn phi 90, xà gồ sắt hộp, mái lợp tôn, một mặt dựa tường nhà ở.

- Hiên sau nhà: Diện tích xây dựng $8,1 \text{ m}^2$, nền đất đầm chặt, láng xi măng, cột gỗ, xà gồ gỗ, mái lợp tôn. Một mặt dựa tường nhà ở.

- Rào lưới B40, dài 22 mét, trụ bê tông đúc sẵn, cao 1,4 mét.

2.2. Vật dụng gia đình đã qua sử dụng:

- 01 tivi: Nhãn hiệu Sony, model KDL-40W650D, sản xuất 2017; nước sản xuất: Malaysia, ti vi sử dụng bình thường.

- 01 bộ Karaoke: Ampli karaoke Ariang SPA 2000, công suất 550W; 02 loa Ariang TSE-T5, công suất 450W; Microkhoong dây Shure SH-300G. Bộ karaoke sử dụng bình thường.

- 01 kệ tivi phòng khách: Kích thước dài 155 x rộng 40 x cao 150 (cm); Chất lượng gỗ thường. Kệ tivi trải xước một số chỗ, sử dụng bình thường.

- 01 bộ bàn ghế phòng khách: 01 bàn, kích thước 120 x 50 x 50 (cm); 02 ghế đơn, kích thước 75 x 65 x 100 (cm); 01 ghế dài, kích thước 186 x 65 x 100 (cm). Chất liệu gỗ thường. Bộ bàn ghế trải xước một số chỗ, sử dụng bình thường.

3. Ông Đỗ Hữu Hoàng D có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị P số tiền 92.639.000 đồng (*chín mươi hai triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn đồng*).

4. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội – phòng giao dịch huyện Diên Khánh. Bà Nguyễn Thị P và ông Đỗ Hữu Hoàng D có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội – phòng giao dịch huyện Diên Khánh, Khánh Hòa số tiền 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*). Mỗi người phải trả là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh từ ngày 27/5/2022 cho đến khi thanh toán hết số nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội – phòng giao dịch huyện Diên Khánh, Khánh Hòa.

5. Về chi phí thẩm định, định giá: Tổng chi phí là 14.980.000 đồng (*mười bốn triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*). Bà Nguyễn Thị P đã tạm ứng. Ông Đỗ Hữu Hoàng D phải hoàn trả cho bà P ½ số tiền bà P đã tạm ứng là 7.490.000 đồng (*bảy triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng*).

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nợ chung và chia tài sản chung sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí nợ chung và 4.631.950 đồng (*bốn triệu sáu trăm ba mươi một nghìn chín trăm năm mươi đồng*) án phí chia tài sản chung. Tổng tiền án phí bà P phải chịu là 5.231.950 đồng (*năm triệu hai trăm ba mươi một nghìn chín trăm năm mươi đồng*), nhưng được trừ vào 2.513.000 đồng (*hai triệu năm trăm mười ba nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp theo biên lai số AA/2019/0002093 ngày 05/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh. Bà P còn phải nộp thêm 2.718.950 đồng (*hai triệu bảy trăm mười tám nghìn chín trăm năm mươi đồng*).

- Ông Đỗ Hữu Hoàng D phải nộp 4.931.950 (*bốn triệu chín trăm ba mươi một nghìn chín trăm năm mươi đồng*) án phí chia tài sản chung và 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí trả nợ chung.

7. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị P và đại diện theo ủy quyền của **Ngân hàng chính sách xã hội – phòng giao dịch huyện Diên Khánh** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Đỗ Hữu Hoàng D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

8. *Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Đường sự;
- UBND xã Diên Lạc, huyện Diên Khánh (nơi đăng ký kết hôn);
- THADS huyện Diên Khánh;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Đức Thuận